

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Số: 88.../BVTVSG-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### 1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

- Mã chứng khoán: **SPC**
- Địa chỉ trụ sở chính: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Q7, TPHCM
- Điện thoại: 028.38733295 Fax: 028.38733033
- E-mail: [info@spchcmc.vn](mailto:info@spchcmc.vn)

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế công bố thông tin và chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Bạc Liêu.

### 3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày

21/01/2022 tại đường dẫn: <http://spchcmc.vn/VN/Quan-He-Co-Dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**ĐIỀU QUANG TRUNG**

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 89 /QĐ-BVTVSG - HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua 17/06/2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300632232 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 21/05/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết số 03 /NQ-BVTV- HĐQT ngày 21/01/2022 Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị,

### QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Nay ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn theo nội dung đính kèm Quyết định này. Các văn bản trước đây về Quy chế Công bố thông tin Công ty được bãi bỏ.
- Điều 2.** Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện theo tinh thần Quyết định này.
- Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký: 21/01/2022

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT: NSHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH Amv



Lê Thị Phương

Số: 03 /NQ-BVTVSG-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2022

## **NGHỊ QUYẾT** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/ QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/ NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 156/2020/ NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản họp số 01/BBH-BVTVSG-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn,

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN** **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung sau:

**1) Tờ trình số 86/ TTr – BVTVSG – TCKT về việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế công bố thông tin.**

Hội đồng quản trị thống nhất việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế Công bố thông tin áp dụng cho Công Ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn (đính kèm Quy chế).

**2) Tờ trình 75/ TTr- BVTVSG-NSHC về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Bạc Liêu**

Hội đồng quản trị thống nhất theo đề nghị của Ban Điều Hành về việc:

Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Bạc Liêu.

Giao Giám Đốc Công ty chỉ đạo thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại Bạc Liêu theo đúng quy định của pháp luật.

Giao chi nhánh Cần Thơ quản lý trực tiếp địa bàn này với hình thức là khu vực kinh doanh.

**Điều 2.** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng ban đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết nghị này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. *t.ham*

*Nơi nhận:*

- HĐQT;
- BKS, BĐH;
- Lưu VT: NSHC.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT



**Lê Thị Phương**

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN  
TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2022

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

*(Ban hành kèm theo quyết định 89/QĐ-BVTVSG ngày 21/01/2022  
của Hội đồng quản trị Công ty)*

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



## MỤC LỤC

### **Chương I : Quy định chung**

Điều 1 : Giải thích từ ngữ.....	Trang 3
Điều 2 : Phạm vi áp dụng .....	Trang 4
Điều 3 : Mục đích của việc công bố thông tin.....	Trang 4
Điều 4 : Người công bố thông tin .....	Trang 4
Điều 5 : Phương tiện và hình thức công bố .....	Trang 4
Điều 6 : Tạm hoãn công bố thông tin .....	Trang 5

### **Chương II : Nội dung công bố thông tin khi SPC là công ty đại chúng**

Điều 7 : Công bố thông tin định kỳ .....	Trang 5
Điều 8 : Công bố thông tin bất thường .....	Trang 6
Điều 9 : Công bố thông tin theo yêu cầu .....	Trang 9
Điều 10 : Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty .....	Trang 9

### **Chương III : Nội dung công bố thông tin khi SPC là công ty đại chúng quy mô lớn, niêm yết cổ phiếu**

Điều 11 : Công bố thông tin định kỳ .....	Trang 10
Điều 12 : Công bố thông tin bất thường .....	Trang 11
Điều 13 : Công bố thông tin theo yêu cầu .....	Trang 12
Điều 14 : Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty .....	Trang 12
Điều 15 : Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn .....	Trang 12

### **Chương IV : Công bố thông tin của các đối tượng khác**

Điều 16 : Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng .....	Trang 12
Điều 17 : Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ .....	Trang 13
Điều 18 : Công bố thông tin về chào mua công khai, giao dịch cổ phiếu quỹ.....	Trang 13

### **Chương V : Quy trình Công bố thông tin**

Điều 19 : Lưu đồ thực hiện.....	Trang 14
Điều 20 : Phân công nhân sự thực hiện công tác liên quan đến công bố thông tin.....	Trang 15
Điều 21 : Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin và người Phụ trách quản trị, các phòng ban liên quan .....	Trang 15
Điều 22 : Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....	Trang 15
Điều 23 : Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	Trang 16
Điều 24 : Điều khoản thi hành.....	Trang 16

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. SPC: Công ty cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn
2. Điều lệ: Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty
3. Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán. (theo khoản 1 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.)
4. Người nội bộ của Công ty là:
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên);
  - Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
5. Người có Liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
  - Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
  - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
  - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
  - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
  - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
  - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.
6. SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán
7. TTLKCK: Trung tâm lưu ký chứng khoán
8. UBCKNN: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Các từ và thuật ngữ khác sẽ được hiểu theo giải thích trong Điều lệ công ty và Luật chứng khoán.



## **Điều 2. Phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

### 2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin.
- b) Người Phụ trách quản trị công ty, phòng Nhân sự hành chính, phòng Tài chính kế toán và các phòng ban liên quan tới việc công bố thông tin theo yêu cầu.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

## **Điều 3. Mục đích của việc công bố thông tin**

Việc công bố thông tin theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông Công ty đồng thời chấp hành nghĩa vụ báo cáo thông tin với các cơ quan có thẩm quyền.

## **Điều 4: Người công bố thông tin**

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin:

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Giám đốc thay thế thực hiện công bố thông tin.

2. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDKK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

## **Điều 5: Phương tiện công bố thông tin**

### 1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của SPC;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK Hà Nội (CIMS);
  - d) Trang thông tin điện tử của TTLKCK;
  - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung công bố thông tin. Các tài liệu, báo cáo gửi UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN, SGDCK.

#### **Điều 6: Tạm hoãn công bố thông tin**

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Người công bố thông tin gửi báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **CHƯƠNG II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN KHI SPC LÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

#### **Điều 7: Công bố thông tin định kỳ**

##### **1. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán**

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

Công ty công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- b) Công ty công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

## **2. Báo cáo thường niên**

Công ty lập báo cáo thường niên và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

## **3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ.

## **4. Báo cáo tình hình quản trị công ty**

Công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

## **Điều 8: Công bố thông tin bất thường**

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại

cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này, công ty nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 15 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty công bố thông tin trên trang thông tin điện tử SPC, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Quy chế này.

#### 6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

#### **Điều 9: Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

#### **Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty**

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài

trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

### **CHƯƠNG III: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN KHI SPC LÀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG QUY MÔ LỚN, NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

#### **Điều 11. Công bố thông tin định kỳ**

Trong trường hợp SPC là công ty đại chứng quy mô lớn, hoặc niêm yết cổ phiếu thì SPC thực hiện công bố thông tin định kỳ như sau:

1. Công ty công bố các nội dung định kỳ theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
2. Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

b) Báo cáo tài chính bán niên được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, thì công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Công ty công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy chế này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Trường hợp công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Điều 12. Công bố thông tin bất thường**

Trong trường hợp SPC là công ty đại chúng quy mô lớn, hoặc niêm yết cổ phiếu thì SPC thực hiện công bố thông tin bất thường như sau:

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:



a) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

b) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty là công ty mẹ);

c) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

### **Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu**

Trong trường hợp SPC là công ty đại chúng quy mô lớn, hoặc niêm yết cổ phiếu thì SPC thực hiện công bố thông tin bất thường tại Điều 9 Quy chế này.

### **Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty**

Trong trường hợp SPC là công ty đại chúng quy mô lớn, hoặc niêm yết cổ phiếu thì SPC thực hiện công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

### **Điều 15. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn**

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này.

## **CHƯƠNG IV CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

### **Điều 16: Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

3. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày

làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

**Điều 17. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ của công ty (gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, công ty, khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);

2. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

**Điều 18. Công bố thông tin về chào mua công khai, giao dịch cổ phiếu quỹ**

1. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

## CHƯƠNG V QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

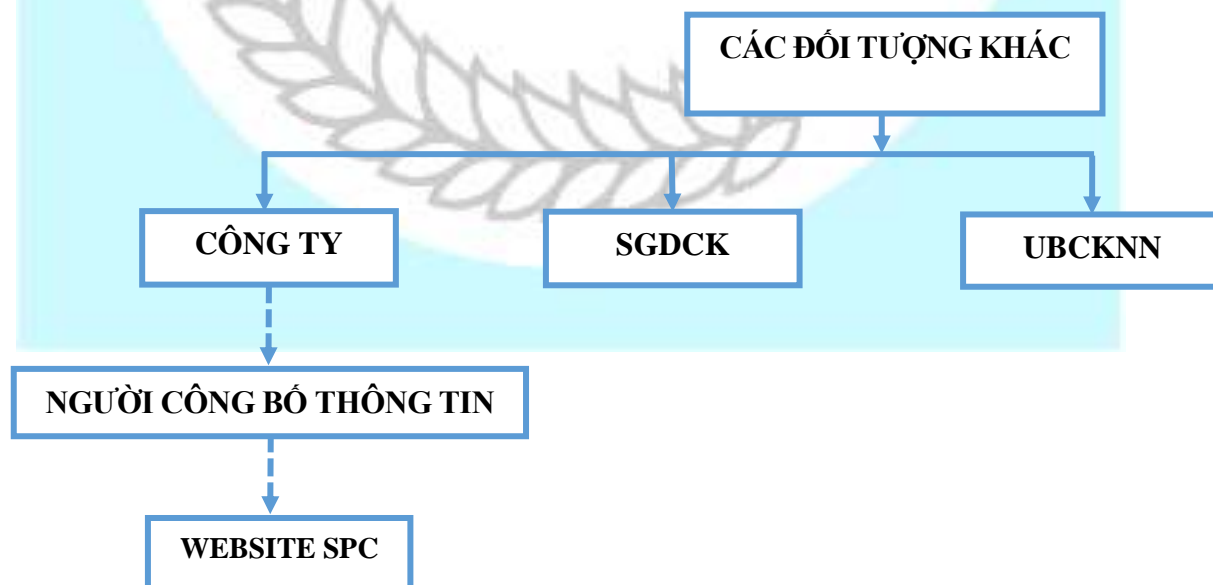
### Điều 19. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng cho SPC tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 2 Quy chế này



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác

Đối tượng khác là đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Quy chế này.



**Ghi chú:** ———> : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và SGDCK  
- - - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website SPC.

## **Điều 20. Phân công nhân sự thực hiện công tác liên quan đến công bố thông tin**

Người Phụ trách quản trị và các phòng ban liên quan phụ trách và chịu trách nhiệm công tác liên quan đến công bố thông tin như sau:

1. Cung cấp thông tin liên quan đến các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị cho người công bố thông tin: người Phụ trách quản trị công ty.
2. Cung cấp thông tin liên quan đến nhân sự, cơ cấu tổ chức (ngoài nội dung nêu tại mục 1 điều này): phòng Nhân sự hành chính.
3. Cung cấp thông tin liên quan đến tài chính, cổ phiếu: phòng Tài chính Kế toán.
4. Trưởng các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan đến việc công bố thông tin theo yêu cầu.

## **Điều 21. Trách nhiệm phối hợp giữa người công bố thông tin và người Phụ trách quản trị, các phòng ban liên quan**

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDC, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ người Phụ trách quản trị, các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 03 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người Phụ trách quản trị công ty giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty theo quy định tại Điểm g, Khoản 3, Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## **Điều 22. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế công bố thông tin này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc, Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

### **Điều 23. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

Với vi phạm phát sinh từ người Công bố thông tin, người Phụ trách quản trị công ty, cá nhân trực thuộc phòng ban: việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

### **Điều 24. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và kéo dài suốt thời gian hoạt động của Công ty Cổ Phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn, và thay thế Quy chế Công bố thông tin ban hành kèm Nghị quyết số 04/NQ-BVTVSG-HĐQT ngày 27/02/2019 của Hội đồng quản trị.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan.

3. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

4. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(đã ký)*

**LÊ THỊ PHƯƠNG**